

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trương Đăng	Triều	3672051973	29/09/1994	3,60	4,30	4,10	
2	Nguyễn Công	Hiền	3772050676	08/02/1994	,00	,00	,00	CT
3	Nguyễn Văn	Hiền	3772050677	04/10/1995	5,80	,50	2,10	
4	Nguyễn Văn	Hưng	3772050688	04/01/1995	5,00	2,80	3,50	
5	Ngô Văn	Mừng	3772050694	06/01/1995	7,10	3,50	4,60	
6	Nguyễn Tiến	Quang	3772050696	04/02/1995	9,40	7,00	7,70	
7	Tạ Công	Đồng	3772050697	30/06/1995	3,00	2,10	2,40	
8	Nguyễn Chí	Cường	3772050698	21/02/1995	9,00	2,60	4,50	
9	Trần Minh	Dũng	3772050701	06/03/1995	,00	,00	,00	CT
10	Đặng Song	Lam	3772050703	08/03/1995	5,60	,90	2,30	
11	Đoàn Thanh	Hưng	3772050704	28/06/1995	4,50	1,10	2,10	
12	Đỗ Công	Linh	3772050706	21/05/1995	3,50	1,50	2,10	
13	Phạm Trọng	Nghĩa	3772050707	23/02/1993	6,90			
14	Hồ Thanh	Liêm	3772050708	26/04/1995	7,20	1,00	2,90	
15	Huỳnh Trung	Quý	3772050710	19/10/1995	5,20	3,20	3,80	
16	Nguyễn Đức	Trung	3772050711	10/09/1994	7,50			
17	Dương Tuấn	Kiệt	3772050723	23/05/1994	7,20	,80	2,70	
18	Trần Văn	Vĩnh	3772050726	05/07/1995	5,50	4,80	5,00	
19	Trần Ngọc	Tây	3772050727	10/10/1995	7,30	6,90	7,00	
20	Nguyễn Công	Hậu	3772050736	11/10/1995	9,20	6,50	7,30	
21	Trần	Hưng	3772050745	22/06/1995	5,50	3,40	4,00	
22	Lê Viết	Cường	3772050753	13/01/1994	6,20	,80	2,40	
23	Lê Hữu	Hiệp	3772050759	10/06/1993	4,40	3,70	3,90	
24	Phạm Ngọc	Dự	3772050761	25/04/1995	5,10	3,30	3,80	
25	Nguyễn	Mỹ	3772050764	20/01/1995	10,00	8,10	8,70	
26	Hồ Thanh	Sơn	3772050771	26/09/1994	,00	,00	,00	CT
27	Bế Văn	Công	3772050775	07/10/1995	3,60	,40	1,40	
28	Nguyễn Bá	Lim	3772050780	27/01/1995	3,70	3,90	3,80	
29	Nguyễn Văn	Trị	3772050782	17/04/1995	8,00	3,60	4,90	
30	Nguyễn Tấn	Vũ	3772050786	12/11/1995	10,00	2,20	4,50	
31	Huỳnh Phi	Hùng	3772050790	08/01/1995	5,70	5,00	5,20	
32	Nguyễn Thiên	Nhật	3772050802	26/11/1995	4,20	,70	1,80	
33	Phạm Văn	Cường	3772050821	20/02/1995	,00	,00	,00	CT
34	Nguyễn Văn	Nghĩa	3772050823	14/09/1995	10,00	8,30	8,80	
35	Tô Thanh	Mộng	3772050827	16/04/1995	5,20	2,40	3,20	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phạm Lê Xuân	Trường	3772051128	10/05/1995	,00	,00	,00	CT
37	Phan Lê Đắc	Tú	3772051137	20/11/1995	5,60	1,50	2,70	
38	Lê Văn	Thuận	3772051157	29/03/1995	5,90	1,90	3,10	
39	Trương	Long	3772051159	21/07/1995	,00	,00	,00	CT
40	Đỗ Ngọc	Tiến	3772051161	30/06/1995	5,70	,90	2,30	
41	Lê Công	Nhất	3772051180	26/03/1995	5,60	1,30	2,60	
42	Nguyễn Văn	Tơ	3772051183	23/11/1994	,00			
43	Nguyễn Văn	Thu	3772051188	20/12/1994	5,90			
44	Trần Đình	Đỗ	3772051195	01/07/1995	6,40	1,30	2,80	
45	Đặng Minh	Nhí	3772051207	19/08/1994	8,60	3,90	5,30	
46	Cao Văn	Đạo	3772051227	14/01/1994	10,00	9,70	9,80	
47	Tiêu Văn	Khiêm	3772051229	16/12/1995	5,80	,30	2,00	
48	Phạm Văn	Dương	3772051249	11/04/1995	,00	,00	,00	CT
49	Nguyễn Văn	Trung	3772051260	26/03/1995	2,40	,00	,70	
50	Trần Phú	Thuận	3772051272	16/05/1995	10,00	1,70	4,20	
51	Phạm Ngọc	Thắng	3772051296	02/03/1995	6,40	,00	1,90	
52	Nguyễn Văn	Hòa	3772051317	23/03/1995	,00	,00	,00	CT
53	Võ Sỹ Anh	Tuấn	3772051319	02/01/1994	5,90	4,00	4,60	
54	Phạm Thanh	Tuấn	3772051334	20/10/1994	3,30	,40	1,30	
55	Nguyễn Văn	Mạnh	3772051339	18/05/1993	10,00	7,70	8,40	
56	Giáp Phan Ngọc	Quyền	3772051361	17/04/1994	7,00	1,80	3,40	
57	Đặng Phong	Phú	3772051367	14/04/1995	5,00	,00	1,50	
58	Nguyễn	Trọng	3772051377	11/11/1994	6,70	4,80	5,40	
59	Phan Văn	Tuấn	3772051405	12/01/1995	6,80	4,60	5,30	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)